

CHƯƠNG 1

NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CHI PHÍ

GV: Nguyễn Ngọc Khánh Dung

1

Mục tiêu nghiên cứu

- Sự khác biệt và tương đồng giữa kế toán chi phí và kế toán quản trị.
- Kế toán quản trị liên quan đến việc hoạch định và kiểm tra như thế nào.
- Kế toán chi phí liên quan đến việc chuẩn bị BCKQKD và BCĐKT.
- Kế toán chi phí và kế toán quản trị dựa trên dữ liệu chung để thực hiện mục tiêu như thế nào

2

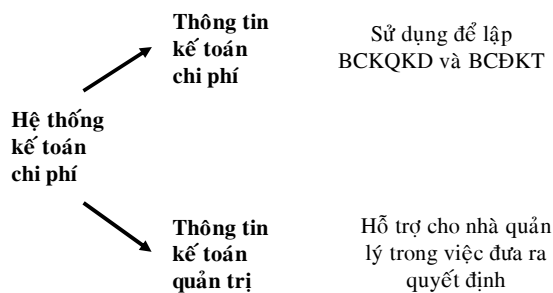
1.1. KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

Những câu hỏi được trả lời thông qua việc sử dụng kế toán chi phí và kế toán quản trị

- Nếu Cty sách McGraw- Hill có 8.000 quyển sách tồn kho vào cuối năm tài chính, những chi phí nào sẽ được trình bày trên BCĐKT
- Bao nhiêu quyển sách cần phải bán để cty McGraw- Hill có lời
- Những chi phí nào để công ty không làm ô nhiễm không khí
- Những chi phí nào để công ty Ford Motor tiết kiệm nhiên liệu ở mức tối thiểu

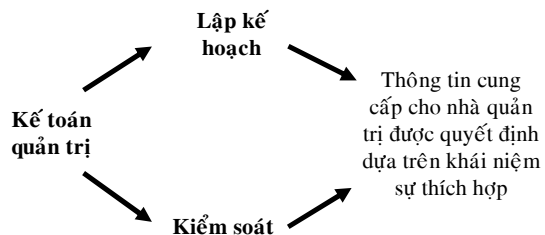
3

1.1. KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ



4

1.1. KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ



5

1.1. KẾ TOÁN CHI PHÍ VÀ KẾ TOÁN QUẢN TRỊ

- Kế toán chi phí: liên quan đến việc thu thập, tổng hợp và báo cáo các dữ liệu chi phí để lập các báo cáo tài chính. Dữ liệu kế toán chi phí được dùng để xác định :
 - Trị giá hàng tồn kho báo cáo trên Bảng CĐKT
 - Giá vốn hàng bán, CP bán hàng, CP quản lý doanh nghiệp

6

Các đối tượng có nhu cầu sử dụng thông tin kế toán

- _ Những đối tượng bên ngoài doanh nghiệp
 - Các chủ sở hữu
 - Các nhà đầu tư
 - Các cơ quan chức năng liên quan
 - Các nhà cho vay và cung cấp hàng hoá dịch vụ

- _ Những đối tượng bên trong doanh nghiệp
 - Nhà quản trị
 - Nhân viên

7

Nhu cầu thông tin kế toán của các nhóm đối tượng khác nhau

ĐỐI TƯỢNG SỬ DỤNG THÔNG TIN	NHU CẦU THÔNG TIN
Cổ đông	Mua, bán, hoặc nắm giữ cổ phiếu
Chủ nợ	Tăng, giảm hoặc giữ nguyên mức tín dụng nợ
Nhân viên	Đề trình yêu cầu tăng lương, thay đổi việc làm
Khách hàng	Mua sản phẩm của doanh nghiệp
Nhà quản lý	Xác định tình hình, trình độ và hiệu để điều hành, quản lý, kiểm soát hoạt động SXKD
Công chúng	Đánh giá tác động về kinh tế của doanh nghiệp
Chính phủ	Tính thuế, đánh giá tác động của DN đến môi trường kinh doanh

Các chuyên ngành kế toán

Kế toán tài chính (KTTC)

Kế toán tài chính phản ánh sự hình thành và vận động của tài sản, nguồn vốn; quá trình kinh doanh và kết quả của quá trình kinh doanh trong một đơn vị cụ thể, nhằm cung cấp thông tin kinh tế- tài chính

Kế toán chi phí (KTCP)

Là một lĩnh vực của kế toán có liên quan chủ yếu với việc ghi chép các khoản mục chi phí nhằm xác định giá thành sản phẩm, phân tích sự biến động của chi phí qua đó phục vụ cho mục tiêu kiểm soát và ra các quyết định sản xuất của nhà quản trị

9

Các chuyên ngành kế toán

Kế toán quản trị (KTQT)

Kế toán quản trị cung cấp thông tin về quá trình hình thành và phát sinh chi phí thu nhập khi thực hiện các kế hoạch ngắn hạn và dài hạn theo mục tiêu, chiến lược của đơn vị. Thông tin của Kế toán quản trị linh hoạt và thường gắn liền với từng bộ phận cụ thể trong đơn vị nhằm phục vụ cho nhu cầu quản trị ở các cấp độ khác nhau

Phân biệt kế toán tài chính, kế toán chi phí và kế toán quản trị

Những điểm giống nhau giữa các chuyên ngành kế toán:

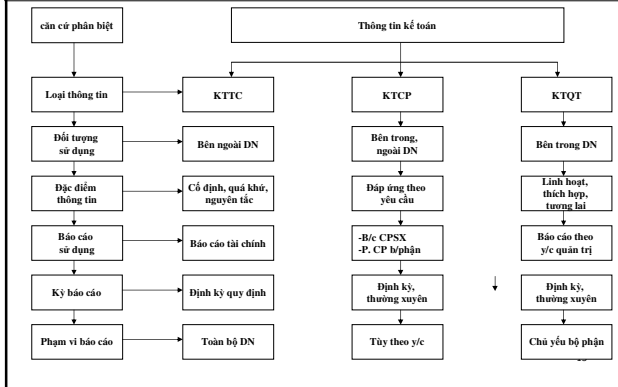
- Các chuyên ngành kế toán đều đề cập đến các sự kiện kinh tế, đều quan tâm đến thu nhập, chi phí, tài sản và công nợ của Doanh nghiệp
- Các chuyên ngành kế toán đều dựa trên hệ thống ghi chép ban đầu của kế toán
 - > Cung cấp thông tin thực hiện các báo cáo tài chính
 - > Trong kế toán chi phí giúp phân tích các biến động chi phí trong quá trình sản xuất của Doanh nghiệp
 - > Trong kế toán quản trị thông tin này là cơ sở để nhà quản trị vận dụng, xử lý nhằm tạo ra thông tin thích hợp phục
- Mỗi chuyên ngành kế toán đều biểu hiện trách nhiệm của người quản lý

Phân biệt kế toán tài chính, kế toán chi phí và kế toán quản trị

Những điểm khác nhau giữa các chuyên ngành kế toán

- ✓ Đối tượng sử dụng thông tin
- ✓ Đặc điểm thông tin
- ✓ Báo cáo sử dụng
- ✓ Kỳ báo cáo
- ✓ Phạm vi báo cáo

Phân biệt kế toán tài chính, kế toán chi phí và kế toán quản trị



1.2. KẾ TOÁN CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SX

1.2.1 Doanh nghiệp sản xuất

- Doanh nghiệp là một tổ chức kinh tế thực hiện một, một số hoặc tất cả các công đoạn của quá trình đầu tư, sản xuất đến tiêu thụ sản phẩm hoặc cung ứng dịch vụ trên thị trường nhằm mục đích sinh lời.
- DN sản xuất là doanh nghiệp mà hoạt động của nó gồm 3 hoạt động chính:
 - + Sản xuất
 - + Bán hàng
 - + Quản lý hành chính

1.2. KẾ TOÁN CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SX

1.2.2. Quy trình hoạt động của DNSX

- Giai đoạn 1: Mua các nguồn lực
- Giai đoạn 2: Tồn trữ nguồn lực
- Giai đoạn 3: Quá trình sản xuất
- Giai đoạn 4: Tồn trữ thành phẩm
- Giai đoạn 5: Tiêu thụ

1.2. KẾ TOÁN CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SX

1.2.3. Mục tiêu của kế toán chi phí

- Cung cấp các thông tin chi phí phục vụ cho việc xác định giá thành SP, giá bán, lợi nhuận
- Giúp cho Doanh nghiệp xây dựng hoàn thiện hơn hệ thống định mức chi phí
- Cung cấp thông tin phục vụ cho quá trình kiểm soát chi phí hạ thấp giá thành SP trong điều kiện chất lượng SP được nâng cao

16

1.2. KẾ TOÁN CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SX

1.2.4. Đặc điểm của kế toán chi phí

- Những thông tin về chi phí sản xuất, giá thành sản phẩm cung cấp cho nhà quản trị để thực hiện các quyết định sản xuất, kinh doanh, kiểm soát, đánh giá trách nhiệm trong quá trình hoạt động thường có đặc điểm linh hoạt, kịp thời và được thiết lập theo yêu cầu quản lý của các nhà quản trị

17

1.2. KẾ TOÁN CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SX

Đặc điểm của kế toán chi phí

- Những thông tin về CPSX và giá thành SP phục vụ cho việc tổng hợp, công khai tình hình tài chính phục vụ cho các đối tượng bên ngoài DN, các thông tin này đòi hỏi phải tuân thủ các nguyên tắc chuẩn mực chung.
- Các báo cáo thường được thực hiện theo từng bộ phận và được lập thường xuyên hoặc định kỳ theo yêu cầu của nhà quản trị

18

1.2. KẾ TOÁN CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SX

Chức năng của kế toán chi phí

Kiểm soát hoạt động	Cung cấp thông tin về tính hiệu quả và chất lượng của công việc hoàn thành
Tính giá thành sản phẩm, dịch vụ	Đo lường giá vốn của các nguồn lực để tính giá thành sản phẩm hoặc thực hiện việc cung cấp dịch vụ
Kiểm soát quản lý	Cung cấp thông tin về kết quả của các nhà quản lý cũng như các đơn vị KD
Kiểm soát chiến lược	Thông tin về kết quả kinh doanh của DN, hỗ trợ cho việc kiểm soát chiến lược hoặc điều chỉnh chiến lược dựa trên những yêu cầu khách quan của thị trường

1.2. KẾ TOÁN CHI PHÍ TRONG DOANH NGHIỆP SX

Đối với các DN SX các nhà quản lý cần thông tin để:

- Giúp các kỹ sư thiết kế những sản phẩm được sx một cách hiệu quả
 - Báo hiệu nơi nào trong hoạt động sx cần cải tiến về chất lượng, năng suất và tốc độ
 - Hướng dẫn các quyết định về cơ cấu sản phẩm
 - Lựa chọn giữa các nhà cung cấp
 - Thương lượng giá, các lập đặc điểm sản phẩm, chất lượng, phương thức giao hàng và dịch vụ tới khách hàng
- => Những yêu cầu mới đối với thông tin kế toán chi phí

1.3. KẾ TOÁN CHI PHÍ TRONG MÔI TRƯỜNG CẠNH TRANH TOÀN CẦU

1.3.1 Những yêu cầu mới đối với thông tin KTCP

- Thông tin chính xác, thích hợp về hiệu quả hoạt động của DN
- Thông tin để đo lường một cách chính xác CP và khả năng sinh lời của các SP, các bộ phận thị trường
- Hệ thống kiểm soát hoạt động giúp họ cải tiến CP, cải tiến chất lượng và giảm thời gian làm việc của nhân viên

=> Hệ thống tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động (ABC)

=> Quản lý dựa trên mức độ hoạt động (ABM)

21

1.3. KẾ TOÁN CHI PHÍ TRONG MÔI TRƯỜNG CẠNH TRANH TOÀN CẦU

=> Hệ thống tính giá thành dựa trên cơ sở hoạt động (ABC)

Giúp nhà quản trị thấy được chi phí và nguồn gốc phát sinh chi phí => kiểm soát chi phí

Chi phí được phân bổ cho các đối tượng theo nguyên nhân phát sinh chi phí

Khắc phục hạn chế của tính giá thành theo phương pháp truyền thống

Phân bổ một cách chính xác chi phí gián tiếp

22

Chương 2:

**PHÂN LOẠI CHI PHÍ VÀ
GIÁ THÀNH**

GV: Nguyễn Ngọc Khánh Dung

1

PHÂN LOẠI CHI PHÍ VÀ GIÁ THÀNH

- Sau khi nghiên cứu chương này, sinh viên có thể:
 - Nhận thức tầm quan trọng của quản lý chi phí trong hoạt động SX KD nhằm đem lại hiệu quả kinh tế cao nhất
 - Hiểu được cách thức phân loại chi phí phù hợp với từng mục đích quản lý
 - Phân loại chi phí theo những tiêu thức khác nhau phục vụ cho kế toán CP SX và tính giá thành SP, phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định
 - Phân loại giá thành theo những tiêu thức khác nhau phục vụ cho kế toán CP SX và tính giá thành SP, phục vụ công tác quản lý
 - Phân biệt được sự giống và khác nhau giữa CPSX và giá thành SP

NỘI DUNG

- 2.1. KHÁI NIỆM
- 2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ
 - Phân loại chi phí
 - Xác định chi phí hỗn hợp
- 2.3. GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
 - Khái niệm
 - Đặc trưng
 - Ý nghĩa

3

2.1. KHÁI NIỆM

Khái niệm chi phí

- Chi phí là biểu hiện bằng tiền toàn bộ hao phí về lao động sống và lao động vật hoá phát sinh trong quá trình hoạt động của DN. Chi phí được tài trợ từ vốn kinh doanh và được bù đắp từ thu nhập mà hoạt động kinh doanh mang lại
- Chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh phát sinh một cách khách quan, nó luôn luôn thay đổi trong quá trình tái sản xuất và gắn liền với sự đa dạng, sự phức tạp của từng loại hình DN ⁴

2.1. KHÁI NIỆM

Khái niệm giá thành

- “ Giá thành SP bao gồm toàn bộ giá trị tư liệu SX chuyển vào SP và một phần giá trị mới sáng tạo ra” – Nhà kinh tế Xô Viết A. Vaxin
- “ Giá thành là những hao phí bằng tiền về lao động sống và lao động vật hóa cũng như chi phí bằng tiền khác để chuẩn bị sản xuất và tiêu thụ sản phẩm, lao vụ của doanh nghiệp” _ Các tác giả cộng hòa dân chủ Đức ⁵

2.1. KHÁI NIỆM

Khái niệm giá thành

- “ Giá thành là toàn bộ hao phí lao động vật hóa (NVL, nhiên liệu, khấu hao TSCĐ, CCDC) và lao động sống trong sx, tiêu thụ SP, quản lý kinh doanh, được tính bằng tiền cho một SP, một đơn vị công việc, hoặc một dịch vụ sau một thời kỳ, thường là đến ngày cuối tháng”_ Từ điển thuật ngữ tài chính- tín dụng của BTC ⁶

2.1. KHÁI NIỆM

■ Mối quan hệ chi phí sản xuất và giá thành SP

Chi phí sản xuất	Giá thành sản phẩm
Cùng nội dung kinh tế: Hao phí của các nguồn lực	
Liên quan với thời kỳ sản xuất	Liên quan với khối lượng thành phẩm
Riêng biệt của từng kỳ sản xuất	Có thể là chi phí SX của nhiều kỳ
Liên quan với thành phẩm, SPDD	Liên quan với thành phẩm

2.1. KHÁI NIỆM

Giá thành SP có những đặc trưng :

- Bản chất của giá thành là chi phí
- Giá thành thể hiện mối tương quan giữa chi phí với kết quả đạt được trong từng giai đoạn, hoạt động
- Giá thành thể hiện phạm vi giới hạn chi phí trong một đơn vị, khối lượng SP

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

2.2.1 Phân loại chi phí

a. Phân loại chi phí theo tính chất, nội dung kinh tế của chi phí

Chi phí nguyên vật liệu:

- + Chi phí nguyên vật liệu chính
- + Chi phí nguyên vật liệu phụ
- + Chi phí nhiên liệu
- + Chi phí phụ tùng thay thế
- + Các chi phí vật liệu khác

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

2.2.1 Phân loại chi phí

a. Phân loại chi phí theo tính chất, nội dung kinh tế của chi phí

- Chi phí nguyên vật liệu
- Chi phí nhân công
- Chi phí khấu hao tài sản cố định
- Chi phí dịch vụ mua ngoài
- Chi phí khác bằng tiền

10

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

2.2.1 Phân loại chi phí

- Công dụng:

- + Cung cấp thông tin để dự toán nhu cầu vốn lưu động.
- + Cung cấp thông tin lập báo cáo chi phí theo yêu tố của BCTC và BCQT.

11

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

b. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

❖ **Chi phí sản xuất:**

- Đối với DN SX
- Đối với DN xây lắp

❖ **Chi phí ngoài sản xuất:**

- Chi phí bán hàng
- Chi phí quản lý doanh nghiệp

12

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

b. Phân loại chi phí theo chức năng hoạt động

- Công dụng:

+ Cung cấp thông tin để kiểm soát thực hiện chi phí theo định mức.

+ Cung cấp số liệu để tính giá thành SP.

+ Cung cấp thông tin để định mức chi phí, xác định giá thành định mức.

13

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

c. Phân loại CP theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận

Chi phí sản phẩm:

- Đối với DN SX ?
- Đối với DNTM ?
- Chi phí SP được xem là gắn liền với từng đơn vị SP, HH khi chúng được SX ra hoặc được mua vào.

14

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

c. Phân loại CP theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận

Công dụng: xác định đúng phí tổn trong kỳ để xác định hiệu quả kinh doanh.

15

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

c. Phân loại CP theo mối quan hệ với thời kỳ xác định lợi nhuận

■ ***Chi phí thời kỳ:***

Là những chi phí phát sinh trong một kỳ và được tính hết thành phí tổn trong kỳ để xác định kết quả kinh doanh, bao gồm chi phí bán hàng và chi phí quản lý Doanh nghiệp

16

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

d. Phân loại chi phí theo mối quan hệ với đối tượng chịu chi phí

- ***Chi phí trực tiếp***

- ***Chi phí gián tiếp***

Công dụng: Kế toán tập hợp và phân bổ chi phí chính xác cho các đối tượng.

17

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

e. Phân loại chi phí theo cách ứng xử chi phí

+ ***Biến phí (chi phí khả biến):***

Phương trình biến phí có dạng: $y = ax$

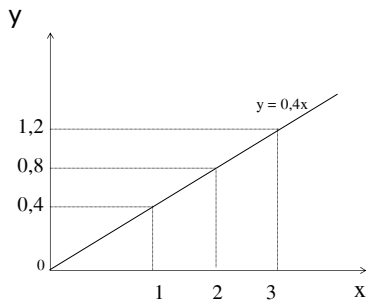
Với y : Tổng biến phí

a : Biến phí đơn vị

x : Mức độ hoạt động

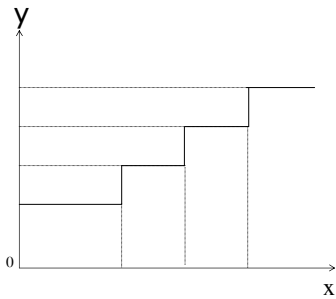
18

Đồ thị biểu diễn biến phí tỉ lệ



19

Đồ thị biểu diễn biến phí cấp bậc



20

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

+ Định phí (chi phí bất biến)

- Là những chi phí mà tổng số của nó không thay đổi khi mức độ hoạt động thay đổi trong phạm vi phù hợp.
- Định phí có thể chia làm hai loại sau:

Định phí bắt buộc:

Định phí tùy ý:

21

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

- **Định phí bắt buộc** : Là những chi phí gắn liền với các quyết định dài hạn của Doanh nghiệp, như các chi phí đầu tư nhà xưởng, khấu hao tài sản cố định, tiền lương nhân viên quản lý...

Định phí bắt buộc có hai đặc điểm :

- Có bản chất lâu dài
- Không thể cắt giảm đến 0 cho dù mức độ hoạt động giảm xuống hoặc khi hoạt động sản xuất bị gián đoạn

22

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

- **Định phí tùy ý (định phí không bắt buộc)**

- Là những chi phí gắn liền với các quyết định hàng năm của nhà quản trị và các kế hoạch ngắn hạn của DN, định phí tùy ý có thể thay đổi trong từng kế hoạch
- Những định phí này có hai đặc điểm:
 - Có bản chất ngắn hạn
 - Trong những trường hợp cần thiết người ta có thể cắt giảm chúng đi

23

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

- **Chi phí hỗn hợp**

- **Khái niệm:** Chi phí hỗn hợp là chi phí bao gồm cả yếu tố biến phí và định phí
- **Đặc điểm của chi phí hỗn hợp**
 - Phần định phí của chi phí hỗn hợp phản ánh chi phí căn bản, tối thiểu để duy trì hoạt động đơn vị trong trạng thái sẵn sàng phục vụ.
 - Phần biến phí thường phản ánh chi phí thực tế hoặc chi phí sử dụng vượt định mức

24

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

- Chi phí hỗn hợp

- **Khái niệm:** Chi phí hỗn hợp là chi phí bao gồm cả yếu tố biến phí và định phí
- **Đặc điểm của chi phí hỗn hợp**
 - Phần định phí của chi phí hỗn hợp phản ánh chi phí căn bản, tối thiểu để duy trì hoạt động đơn vị trong trạng thái sẵn sàng phục vụ.
 - Phần biến phí thường phản ánh chi phí thực tế hoặc chi phí sử dụng vượt định mức

25

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

Công dụng:

- Cung cấp thông tin để hoạch định và kiểm soát chi phí.
- Nghiên cứu quan hệ chi phí – khối lượng – lợi nhuận, phân tích điểm hòa vốn để ra quyết định kinh doanh.
- Cung cấp thông tin để kiểm soát hiệu quả kinh doanh – lập báo cáo kết quả hoạt động theo dạng số dư đảm phí.

26

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

2.2.2 Phân tích chi phí hỗn hợp

Phương trình của chi phí hỗn hợp có dạng:

$$Y = ax + b$$

Trong đó

Y : Chi phí hỗn hợp

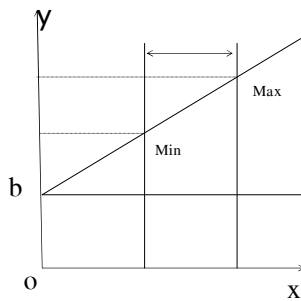
b: Tổng định phí cho mức hoạt động trong kỳ

a: Biến phí cho một đơn vị hoạt động

x: Số lượng đơn vị hoạt động

27

Đồ thị biểu diễn chi phí hỗn hợp



28

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

Các phương pháp phân tích chi phí hỗn hợp thành yếu tố khả biến và bất biến:

- Phương pháp cực đại, cực tiểu
- Phương pháp đồ thị phân tán
- Phương pháp bình phương bé nhất

29

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

Phương pháp cực đại cực tiểu:

- Lựa chọn trong chuỗi quan sát mức cao nhất và mức thấp nhất để làm cơ sở cho việc dự toán chi phí.
- Để xác định phần biến phí đơn vị trong chi phí hỗn hợp người ta sẽ lấy chênh lệch về chi phí ở mức độ hoạt động cao nhất với mức độ hoạt động thấp nhất chia cho chênh lệch mức độ hoạt động ở mức cao nhất với mức thấp nhất

30

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

Công thức xác định biến phí trong chi phí hỗn hợp:

Biến phí đơn vị hoạt động (a)	=	Chênh lệch chi phí mức cao nhất với mức thấp nhất
		Chênh lệch mức độ hoạt động cao nhất với mức thấp nhất

Công thức xác định định phí trong chi phí hỗn hợp:

Định phí (b) = (Tổng chi phí ở mức cao nhất/Thấp nhất – Mức độ hoạt động cao nhất/thấp nhất) x Biến phí đơn vị

31

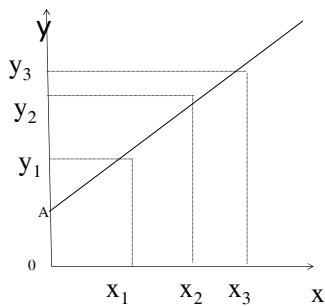
2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

Phương pháp đồ thị phân tán

- Theo phương pháp này, người ta sử dụng đồ thị để xác định biến phí và định phí trong chi phí hỗn hợp.
- Căn cứ vào phương trình $y = ax + b$ (với a là biến phí đơn vị, b là định phí) chúng ta sẽ xác định được một cách rất dễ dàng các điểm trên đồ thị ứng với các mức độ hoạt động khác nhau

32

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ



33

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

Phương pháp bình phương bé nhất

Từ phương trình tuyến tính căn bản $y = ax + b$ tập hợp n phần tử quan sát ta có hệ thống phương trình như sau:

$$\sum xy = a\sum x^2 + b\sum x \quad (1)$$

- $\sum y = a\sum x + nb \quad (2)$

Giải hệ thống phương trình trên ta sẽ xác định được các yếu tố a và b , từ đó lập được phương trình hồi qui thích hợp

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

Một số chi phí khác phục vụ cho việc hoạch định, kiểm soát và ra quyết định

Chi phí chênh lệch:

Là những chi phí có trong phương án này nhưng lại không hoặc chỉ có một phần trong phương án kia, do đó tạo ra chênh lệch chi phí.

Chi phí kiểm soát được và không kiểm soát được:

- Chi phí kiểm soát được: Là những chi phí thuộc quyền quyết định của các cấp quản trị, họ có thể xác định được mức phát sinh của nó.
- Chi phí không kiểm soát được: Là những chi phí nằm ngoài quyền quyết định của một cấp quản lý gọi là chi phí không kiểm soát được.

2.2. PHÂN LOẠI CHI PHÍ

- **Chi phí cơ hội:**

Là những thu nhập tiềm tàng bị mất đi khi chọn phương án này thay vì chọn phương án khác.

- **Chi phí ẩn (chìm, lặn):**

Là những chi phí đã bỏ ra trong quá khứ và không thể tránh được dù lựa chọn bất kỳ phương án nào

2.3. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2.3.1. Phân loại giá thành theo thời điểm xác định:

Đối với DN sản xuất: Giá thành sản phẩm chia làm 2 loại:

❖ **Giá thành kế hoạch**

❖ **Giá thành thực tế**

37

2.3. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

❖ Đối với DN xây lắp: Giá thành SP được chia làm ba loại:

- **Giá thành dự toán:** Là tổng chi phí gián tiếp và trực tiếp được dự toán để hoàn thành khối lượng xây lắp tính theo đơn giá tổng hợp cho từng khu vực thi công và theo định mức kinh tế kỹ thuật do Nhà nước ban hành để xây dựng công trình XD CB.

Giá thành dự toán = Giá trị thực tế – Lãi định mức – Thuế GTGT

38

2.3. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

Đối với Doanh nghiệp xây lắp:

- **Giá thành kế hoạch:** Là giá thành dự toán được tính từ những điều kiện cụ thể của Doanh nghiệp xây lắp như biện pháp thi công, các định mức đơn giá áp dụng trong Doanh nghiệp xây lắp
- **Giá thành thực tế:** Là toàn bộ chi phí thực tế phát sinh liên quan đến công trình xây lắp đã hoàn thành

39

2.3. PHÂN LOẠI GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

2.3.2. Phân loại theo nội dung cấu thành giá thành

Giá thành sản xuất: Là toàn bộ CPSX có liên quan đến khối lượng công việc, SP hoàn thành

Giá thành toàn bộ: Là toàn bộ chi phí phát sinh liên quan đến một khối lượng sản phẩm hoàn thành từ khi sản xuất đến khi tiêu thụ xong SP.

$$\text{Giá thành toàn bộ} = \text{Giá thành SX} + \text{Chi phí ngoài SX}$$

40

Chương 3
KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
THEO CHI PHÍ THỰC TẾ
(Actual cost)

GV: Nguyễn Ngọc Khánh Dung

1

3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO CP THỰC TẾ:

3.1.1 Đặc điểm:

- ✓ Tập hợp CPSX căn cứ vào CPSX thực tế phát sinh
- ✓ Tổng hợp CPSX và tính giá thành SP dựa trên CPSX thực tế

2

3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO CP THỰC TẾ:

3.1.2. Mục tiêu kế toán chi phí sản xuất và tính giá thành theo chi phí thực tế.

- ✓ Cung cấp thông tin cho việc lập BCTC.
- ✓ Cung cấp thông tin phục vụ cho hoạch định, kiểm soát và ra quyết định trong nội bộ công ty.
- ✓ Cung cấp thông tin để tiến hành việc nghiên cứu cải tiến chi phí sản xuất.

3

3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO CP THỰC TẾ:

3.1.3. Đối tượng tập hợp chi phí sản xuất

✓ Là phạm vi, giới hạn nhất định để tập hợp chi phí sản xuất thực tế.

- + Nơi phát sinh chi phí: phân xưởng, bộ phận, quy trình sản xuất,....
- + Thời kỳ chi phí phát sinh

4

3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO CP THỰC TẾ:

3.1.4. Đối tượng tính giá thành sản phẩm

✓ Là khối lượng sản phẩm, dịch vụ hoàn thành nhất định mà doanh nghiệp cần tính tổng giá thành và giá thành đơn vị sản phẩm : sản phẩm, dịch vụ hoàn thành, chi tiết hoặc bộ phận của sản phẩm dịch vụ.

* Lựa chọn đối tượng tính giá thành thích hợp sẽ là cơ sở để tính giá thành chính xác.

5

3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO CP THỰC TẾ:

3.1.5. Mối quan hệ giữa đối tượng tập hợp chi phí sản xuất và đối tượng tính giá thành sản phẩm:

- Một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với một đối tượng tính giá thành SP
- Một đối tượng tập hợp chi phí sản xuất ứng với nhiều đối tượng tính giá thành SP
- Nhiều đối tượng tập hợp chi phí sản xuất tương ứng với một đối tượng tính giá thành SP

6

3.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO CP THỰC TẾ:

3.1.6. Kỳ tính giá thành sản phẩm

Là khoảng thời gian cần thiết phải tiến hành tổng hợp chi phí sản xuất để tính tổng giá thành, giá thành sản phẩm. Kỳ tính giá thành có thể được xác định khác nhau: kỳ tính giá thành được chọn trùng với kỳ kế toán: tháng, quý, năm.

7

CÁC BƯỚC TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM

- **Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ.**
- **Tập hợp chi phí.**
- **Tổng hợp chi phí và phân bổ.**
- **Tính giá thành sản phẩm.**

8

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

3.2.1. Tập hợp chi phí sản xuất thực tế:

- a- Kế toán tập hợp CPNVLT, NCTT, SX
- b- Kế toán tập hợp chi phí thiệt hại trong SX
- c- Kế toán chi phí sản xuất của bộ phận phục vụ

3.2.2. Kế toán tổng hợp CPSX và tính Z SP

9

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

3.2.1. Kế toán tập hợp chi phí sản xuất thực tế:

a- Tập hợp CPNVLTT, NCTT, SXC

Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp.

- > Chứng từ : ?
- > Tài khoản: TK621

Chi phí nhân công trực tiếp.

- > Chứng từ : ?
- > Tài khoản: TK622

10

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

Chi phí sản xuất chung:

- Chứng từ sử dụng: ?
- Tài khoản sử dụng: TK 627

11

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

b- Kế toán tập hợp chi phí thiệt hại trong SX

b1- Kế toán các khoản thiệt hại về SP hỏng.

b2- Kế toán tập hợp CP thiệt hại ngừng SX

12

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

b1- Kế toán các khoản thiệt hại về SP hỏng.

Căn cứ tiêu chuẩn kỹ thuật, SPH gồm:

- Sản phẩm hỏng sửa chữa được
- Sản phẩm hỏng không sửa chữa được

Căn cứ định mức kỹ thuật, SPH gồm:

- Sản phẩm hỏng trong định mức.
- Sản phẩm hỏng ngoài định mức.

13

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

b1- Kế toán các khoản thiệt hại về SPH

❖ Nguyên tắc hạch toán:

- Thiệt hại SPH trong định mức được xem như CPSX thành phẩm trong kỳ
- Thiệt hại SPH ngoài định mức được hạch toán vào giá vốn

❖ Chứng từ: phiếu báo SP hỏng, chứng từ phản ánh CP sửa chữa

14

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

b1- Kế toán các khoản thiệt hại về SPH

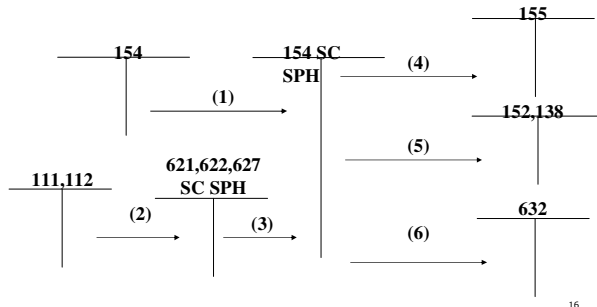
❖ Chi phí sản xuất và sửa chữa sản phẩm hỏng

- Trong định mức: được xem như CPSX chính phẩm trong kỳ
- Ngoài định mức
 - + SPH có thể sửa chữa (sơ đồ 1)
 - + SPH không thể sửa chữa (sơ đồ 2)

15

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

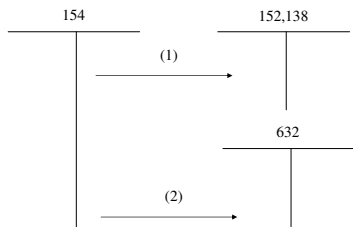
Sơ đồ 1 : Kế toán CP SPH sửa chữa được ngoài định mức



16

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

Sơ đồ 2: Kế toán CP SPH không sửa chữa được



* Nếu chưa xác định được nguyên nhân kế toán kết chuyển giá trị SPH vào TK 1381 để chờ xử lý

17

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

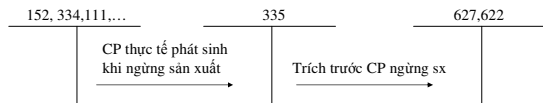
b2- Kế toán tập hợp chi phí thiệt hại ngừng SX

- Ngừng sản xuất có kế hoạch.
- Ngừng sản xuất ngoài kế hoạch.

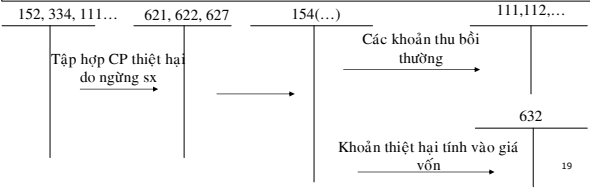
18

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

Kế toán chi phí trích trước trong thời gian ngừng sx trong kế hoạch



Sơ đồ kế toán CP thiệt hại do ngừng SX ngoài kế hoạch



3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

3.2.2. Kế toán tổng hợp CPSX và tính Z SP

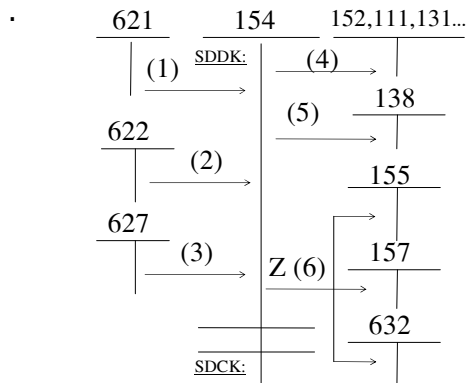
- a. Tổng hợp CPSX thực tế**
- b. Đánh giá điều chỉnh các khoản giảm giá thành**
- c. Đánh giá SPDDCK**
- d. Phương pháp tính giá thành SP**

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

3.2.2. Kế toán tổng hợp CPSX và tính Z SP

- a. Tổng hợp CPSX thực tế**

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ



22

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

3.2.2. Kế toán tổng hợp CPSX và tính Z SP

b. Đánh giá điều chỉnh các khoản giảm giá thành



23

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

3.2.2. Kế toán tổng hợp CPSX và tính Z SP

c. Đánh giá sản phẩm dở dang cuối kỳ:

- Sản phẩm dở dang (SPDD) là sản phẩm chưa hoàn thành, là sản phẩm còn đang dang dở trên dây chuyền sản xuất hay ở các phân xưởng sản xuất.
- Đánh giá SPDD là tính toán một cách tương đối chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ ứng với số lượng SPDD cuối kỳ.

24

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

Công thức chung:

CPSX	CP SX DDDK+CP SX PS TK	x SLSRDDCK*%HT
DDCK=	SL SP HT + SL SP DDCK*%HT	

25

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

c- Đánh giá SPDDCK

❖ Đánh giá SPDDCK theo chi phí nguyên vật liệu trực tiếp

* Phương pháp tính:

Theo PP này chỉ tính vào CPSXDDCK phần **chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**, các chi phí còn lại xem như đã sử dụng hết trong kỳ và được tính vào chi phí sản phẩm hoàn thành.

CPSX	CP SX DDDK+CP NVL PS TK	x SLSRDDCK*%HT
DDCK=	SL SP HT + SL SP DDCK*%HT	

26

Ví dụ 3.1: DN Y sản xuất ra 1 loại SP B. Trong tháng có tài liệu như sau

Số dư đầu tháng của TK 154: 16.330.000 (NVL chính: 12.000.000, VL phụ: 4.330.000).

1- Tổng hợp CPSX phát sinh trong tháng gồm:

- CP VL trực tiếp: 104.000.000 (NVL chính: 90.000.000, VL phụ: 14.000.000)
- CP NC trực tiếp: 50.000.000
- CP sản xuất chung: 28.000.000

2- Kết quả SX: hoàn thành nhập kho 9.000 SP B. Còn lại: 1.000 SP dở dang, mức độ hoàn thành 40%

Yêu cầu : Hãy đánh giá SP DD cuối kỳ theo CP NVL trực tiếp (CP NVL chính bỏ từ đầu, CP VL phụ bỏ dần.)

27

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

❖ Đánh giá SPDDCK theo sản lượng hoàn thành tương đương

Đối với những chi phí bỏ 1 lần từ đầu quá trình sx

CPSXDDCK=	CP SX DDDK+CP NVL PS TK	X SLSRDDCK
	SL SP HT + SL SP DDCK	

Đối với những chi phí bỏ dần trong quá trình sx

CPSX DDCK =	CPSXDDDK+CPSXPSTK	X SLSRDDCK x %HT
	SLSPHT + SLSRDDCK x %HT	

28

Ví dụ 3.2: Công ty L sản xuất sản phẩm A, với quy trình SX giản đơn. Trong kỳ SX hoàn thành nhập kho 100 sp, còn dở dang 20SP có mức độ hoàn thành 60%.

KMCP	CPSXDDDK		CPSXPSTK	
	Biến phí	Định phí	Biến phí	Định phí
CPNVLT	3.500.000		48.000.000	
CPNCTT	2.200.000		32.000.000	
CPSXC	2.400.000	800.000	22.000.000	16.000.000

Yêu cầu: Đánh giá SPDDCK theo phương pháp ước lượng sản phẩm hoàn thành tương đương

29

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

Đánh giá SPDDCK theo chi phí định mức

* **Phương pháp tính:** chi phí sản xuất dở dang cuối kỳ được tính theo chi phí định mức.

$$\text{Chi phí SXDDCK} = \Sigma (\text{SLSRDDCK} \times \%HT \times \text{CPĐM})$$

30

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

1. Phương pháp giản đơn

* **Phương pháp tính:**

$$\text{Tổng } Z_{TT} \text{ SP hoàn thành} = \text{CPSXDDĐK} + \text{CPSXPSTK} - \text{CPSXDDCK} - \text{giá trị các khoản điều chỉnh giảm giá thành}$$

- Phí liệu thu hồi từ quá trình SX
- Khoản thu bồi thường thiệt hại từ SX
- Giá trị sản phẩm phụ thu từ sản xuất (nếu cùng qui trình công nghệ thu được vừa sản phẩm chính vừa sản phẩm phụ)

Tổng Z_{TT} SP hoàn thành =	Tổng Z_{TT} SP hoàn thành
	Số lượng SP hoàn thành

34

Ví dụ 3.4: Công ty L sản xuất sản phẩm A, với quy trình SX giản đơn. Trong kỳ SX hoàn thành nhập kho 100 sp, còn dở dang 20SP có mức độ hoàn thành 60%.

KMCP	CPSXDDĐK		CPSXPSTK	
	Biến phí	Định phí	Biến phí	Định phí
CPNVLTT	3.500.000		48.000.000	
CPNCTT	2.200.000		32.000.000	
CPSXC	2.400.000	800.000	22.000.000	16.000.000

Yêu cầu: Tính giá thành SP A, biết CPNVL bỏ từ đầu quá trình SX, các chi phí khác bỏ dần.

35

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

2. Phương pháp hệ số

* **Điều kiện áp dụng:**

Được áp dụng trong trường hợp trên cùng một qui trình công nghệ SX, sử dụng cùng loại vật tư, lao động, MMTB.. Nhưng kết quả tạo ra nhiều loại SP khác nhau chúng đều là SP chính và giữa những SP có thể quy đổi được với nhau theo hệ số

36

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

2. Phương pháp hệ số

* Phương pháp tính:

Bước 1: Quy đổi các loại SP tự nhiên về SP chuẩn

$$\text{Tổng sản phẩm chuẩn} = \sum H_i \times S_i$$

Với : i là loại sản phẩm trong nhóm

H_i hệ số sản phẩm i

S_i số lượng sản phẩm i

Bước 2: Đánh giá SPDD theo các phương pháp thích hợp.

37

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

2. Phương pháp hệ số

Bước 3: Tính giá thành đơn vị SP chuẩn

Z thực tế đơn vị SP chuẩn =	Tổng giá thành thực tế SP chuẩn
	Tổng số lượng SP chuẩn hoàn thành

Bước 4: Tính giá thành từng loại SP

Z thực tế đơn vị SP i =	Giá thành thực tế đơn vị SP chuẩn x Hệ số quy đổi SPi
-------------------------	---

38

Ví dụ 3.5: Công ty M trong quy trình sản xuất thu được 2 sản phẩm A và B. Trong tháng có các tài liệu:

KMCP	CPSXDDĐK	CPSXPSTK
CPNVLTT	8.000.000	60.000.000
CPNCTT	3.000.000	20.000.000
CPSXC	2.000.000	24.000.000

Biết: Hệ số quy đổi cho SP A là 1, SP B là 1,2. SX hoàn thành nhập kho 60 sp A, 70 sp B. CPNVL bỏ từ đầu quá trình SX, các chi phí khác bỏ dần. Yêu cầu tính giá thành sản phẩm A và B

39

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

3. Phương pháp tỷ lệ

*** Điều kiện áp dụng:**

✓ Trên cùng một qui trình công nghệ SX, sử dụng cùng loại vật tư, lao động, MMTB.. Tạo ra một **nhóm SP** bao gồm nhiều loại SP có quy cách, kiểu dáng khác nhau, các SP có kết cấu giá thành không thể quy đổi được với nhau

40

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

3. Phương pháp tỷ lệ

*** Phương pháp tính:**

Bước 1: Tính tổng giá thành thực tế nhóm SP theo từng khoản mục chi phí sản xuất.

Tổng Z tt nhóm SP = CPSXDDĐK của **nhóm SP** + CPSXPSTK của **nhóm SP** - CPSXDDCK của **nhóm SP** - Giá trị khoản điều chỉnh giảm giá thành **nhóm SP**

41

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

3. Phương pháp tỷ lệ

Bước 2: Tính tổng giá thành kế hoạch nhóm SP theo từng khoản mục CPSX.

Tổng Z KH của nhóm SP = SLSPHT trong nhóm x giá thành định mức SP

Tỷ lệ =	Tổng Z _{TT} của nhóm SP
	Tổng Z _{KH} của nhóm SP

42

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

Bước 3: Tính giá thành thực tế đơn vị SP:

$$Z_{TT} \text{ đơn vị SP} = \text{Tỷ lệ Z của nhóm SP} \times Z_{DM} \text{ đơn vị SP}$$

$$\text{Tổng } Z_{TT} \text{ SP} = \text{SLSPHT} \times Z_{TT} \text{ đơn vị SP}$$

43

Ví dụ 3.7 : DN A có quy trình công nghệ giản đơn, cùng quy trình thu được nhóm SP A với quy cách A1, A2. giá thành kế hoạch đơn vị SP:

STT	Khoản mục giá thành	SPA1	SPA2
1	- NVLTT	30.000	40.000
2	- NCTT	20.000	25.000
3	- CPSXC	10.000	15.000

Số lượng SPDDCK: 200A1, 100A2, tỷ lệ hoàn thành của 2 SP A1, A2 là 50%. CPNVL bỏ từ đầu quá trình SX, các chi phí khác bỏ dần.

Yêu cầu: Tính giá thành SP A1, A2

44

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

4. Phương pháp loại trừ giá trị SP phụ

*** Điều kiện áp dụng:**

- Áp dụng đối với những qui trình công nghệ sản xuất mà kết quả sản xuất vừa tạo ra sản phẩm chính và sản phẩm phụ.

45

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

4. Phương pháp loại trừ giá trị SP phụ

- Để xác định giá trị của SP chính ta cần phải xác định giá trị sản phẩm phụ thu được từ sản xuất.
- Giá trị của sản phẩm phụ có thể tính theo giá ước tính, giá kế hoạch, giá nguyên vật liệu ban đầu hoặc căn cứ vào giá bán sản phẩm phụ trừ đi lãi định mức.

46

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

4. PP loại trừ giá trị sản phẩm phụ

* Phương pháp tính:

$$\text{Tổng } Z_{\text{TT}} \text{ SP} = \text{CPSXDDĐK} + \text{CPSXPSTK} - \text{CPSXDDCK} - \text{Giá trị các khoản điều chỉnh giảm Z} - \text{Giá trị ước tính sản phẩm phụ}$$

Tính theo giá ước tính, giá kế hoạch, giá NVL ban đầu

47

Ví dụ 3.6: Công ty đường mật trong tháng có tài liệu :

- CPSXTK phát sinh: CPNVLT: 380.000.000, CPNCTT: 40.000.000, CPSXC: 60.000.000
- CPSXDDCK: CPNVLTDDĐK: 50.000.000, CPNVLTDDCK: 30.000.000
- Nhập kho 500 tấn đường và 4 tấn mật (Spphụ)
- Giá bán mật đường 250.000đ/1 tấn (chưa VAT), lãi ước tính là 20% giá bán

Yêu cầu: Tính giá thành theo PP loại trừ giá trị SP phụ

48

Ví dụ: Một DN có quy trình SX giản đơn, cùng quy trình thu được 2 SP chính và sản phẩm phụ C. Trong tháng có các tài liệu:

- CPSXDDĐK: 3.984.000đ, CPSXPSTK: 42.872.000đ (CPNVLTT: 30.000.000đ, PNCTT: 5.950.000đ, CPSXC: 6.922.000đ), CPSXDDCK đánh giá theo CPNVLTT.

- Kết quả thu được:

+ SPA: hoàn thành 1.000, dở dang 100

+ SP B: hoàn thành 800, dở dang 100

+ SP phụ C: 100 sản phẩm. Giá bán SP phụ C là 10.500đ/1sp, lợi nhuận kỳ vọng 5%/ giá vốn

Tính giá thành SPA, SPB (SPA hệ số 1, SPB hệ số 1,4)

49

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

5. Phương pháp phân bước

* *Điều kiện áp dụng*

- Được áp dụng đối với những qui trình công nghệ SX phức tạp gồm nhiều giai đoạn chế biến kế tiếp nhau. SP của giai đoạn trước (còn gọi là bán thành phẩm) là nguyên liệu đầu vào của giai đoạn sau
- Đối tượng tập hợp CPSX là từng giai đoạn của qui trình công nghệ SX.
- Đối tượng tính Z là thành phẩm hoặc bán thành phẩm

50

3.2. KT CPSX VÀ TÍNH Z SP THEO CHI PHÍ THỰC TẾ

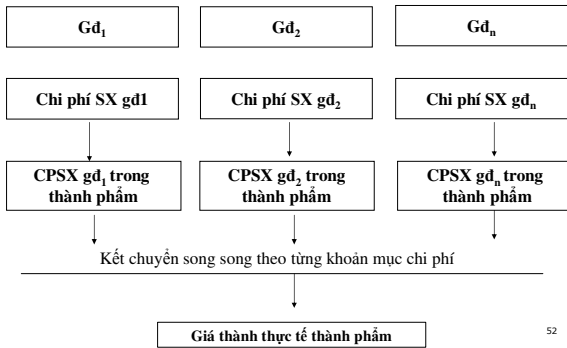
5. Phương pháp phân bước

5.1 Tính giá thành phân bước theo phương án không tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển chi phí song song)

5.2 Tính giá thành phân bước theo phương án có tính giá thành bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

51

Tính giá thành theo phương án phân bước không tính giá bán thành phẩm



52

Tính giá thành theo phương án phân bước không tính giá bán thành phẩm

a. Trường hợp CPSX dở dang được đánh giá theo nguyên vật liệu trực tiếp:

Chi phí sản xuất của các giai đoạn chuyển vào giá thành sản phẩm theo công thức:

Tổng giá thành thành phẩm =

Tổng CPSX giai đoạn 1 + Tổng CPSX giai đoạn 2

+...+ Tổng CPSX giai đoạn n

53

Tính giá thành theo phương án phân bước không tính giá bán thành phẩm

Chi phí sản xuất giai đoạn 1 trong giá thành sản phẩm hoàn thành bao gồm:

$$CPNVLTT = \frac{CPNVLTTDDĐK + CPNVLTTTPSTK}{SLTP + SLSPDDCK \text{ từ GĐ1 đến GĐn}} \times SLTP$$

$$CPNCTT = \frac{CPNCTTDDĐK + CPNCTTTPSTK}{SLTP + SLSPDDCK \text{ từ GĐ2 đến GĐn}} \times SLTP$$

$$CPSXC = \frac{CPSXCDDĐK + CPSXCCTTPSTK}{SLTP + SLSPDDCK \text{ từ GĐ2 đến GĐn}} \times SLTP$$

54

**Tính giá thành theo phương án phân bước
không tính giá bán thành phẩm**

Chi phí sản xuất giai đoạn 2 trong giá thành sản phẩm hoàn thành bao gồm:

$$CPNCTT = \frac{CPNCTTDDĐK + CPNCTTPSTK}{SLTP + SLSPDDCK \text{ từ GD3 đến GD } n} \times SLTP$$

$$CPSXC = \frac{CPSXCDDĐK + CPSXCCTPSTK}{SLTP + SLSPDDCK \text{ từ GD3 đến GD } n} \times SLTP$$

Chi phí sản xuất giai đoạn n trong giá thành sản phẩm hoàn thành bao gồm: do doanh nghiệp đánh giá SPDD theo CPNVLT nên toàn bộ chi phí của giai đoạn cuối sẽ được tính hết vào giá thành sản phẩm hoàn thành.

55

**Tính giá thành theo phương án phân bước
không tính giá bán thành phẩm**

Ví dụ 3.8: DN có quy trình SX phức tạp qua 3 giai đoạn chế biến liên tục. CPSXDDĐK (đvt: 1.000 đ)

Khoản mục CP	CP GD1	CP GD2	CP GD3
-CPNVLT	18.000	-	-
-CPNCTT	10.000	15.000	-
-CPSXC	12.000	13.000	-

56

**Tính giá thành theo phương án phân bước
không tính giá bán thành phẩm**

b- Trường hợp CPSXDD được đánh giá theo PP ước lượng SP hoàn thành tương đương

Chi phí sản xuất giai đoạn 1 trong giá thành sản phẩm hoàn thành bao gồm:

$$CPNVLT = \frac{CPNVLTDDĐK + CPNVLTTPSTK}{SLTP + SLSPDDCK \text{ từ GD1 đến GD } n} \times SLTP$$

57

**Tính giá thành theo phương án phân bước
không tính giá bán thành phẩm**

CPSX giai đoạn 1 trong Z SPHT bao gồm:

$$CPNCTT = \frac{CPNCTTDDĐK + CPNCTTPSTK}{SLTP + (SLSPDDGD1 \times \%HT) + SLSPDDCK \text{ từ GD 2 đến GD n}} \times SLTP$$

$$CPSXC = \frac{CPSXCDDĐK + CPSXCCTPSTK}{SLTP + (SLSPDDGD1 \times \%HT) + SLSPDDCK \text{ từ GD 2 đến GD n}} \times SLTP$$

58
58

**Tính giá thành theo phương án phân bước
không tính giá bán thành phẩm**

Chi phí sản xuất giai đoạn 2 trong giá thành sản phẩm hoàn thành bao gồm:

$$CPNCTT = \frac{CPNCTTDDĐK + CPNCTTPSTK}{SLTP + (SLSPDDGD2 \times \%HT) + SLSPDDCK \text{ từ GD3 đến GDn}} \times SLTP$$

$$CPSXC = \frac{CPSXCDDĐK + CPSXCCTPSTK}{SLTP + (SLSPDDGD2 \times \%HT) + SLSPDDCK \text{ từ GD3 đến GD n}} \times SLTP$$

59

**Tính giá thành theo phương án phân bước
không tính giá bán thành phẩm**

Chi phí sản xuất giai đoạn n trong giá thành sản phẩm hoàn thành bao gồm:

$$CPNCTT = \frac{CPNCTTDDĐK + CPNCTTPSTK}{SLTP + (SLSPDDGDn \times \%HT)} \times SLTP$$

$$CPSXC = \frac{CPSXCDDĐK + CPSXCCTPSTK}{SLTP + (SLSPDDGDn \times \%HT)} \times SLTP$$

60

Tính giá thành theo phương án phân bước không tính giá bán thành phẩm

Ví dụ 3.9: DN có quy trình SX phức tạp qua 3 giai đoạn chế biến liên tục. Chi phí SXDDĐK (đvt: 1.000 đ)

Khoản mục CP	CP GD1	CP GD2	CP GD3
-CPNVLTT	18.000	-	-
-CPNCTT	10.000	15.000	10.000
-CPSXC	12.000	13.000	10.000

61

Chi phí SX phát sinh trong kỳ:

Khoản mục CP	CP GD1	CP GD2	CP GD3
-CPNVLTT	50.000	-	-
-CPNCTT	30.000	28.000	10.000
-CPSXC	25.000	20.000	15.000

Kết quả sản xuất

Gd1: hoàn thành 800, chuyển sang gd2, dở dang 150, tỷ lệ hoàn thành 50%

Gd2: hoàn thành 600, chuyển sang gd3, dở dang 100, tỷ lệ hoàn thành 30%

Gd3: hoàn thành 500 nhập kho, dở dang 50, tỷ lệ hoàn thành 40%

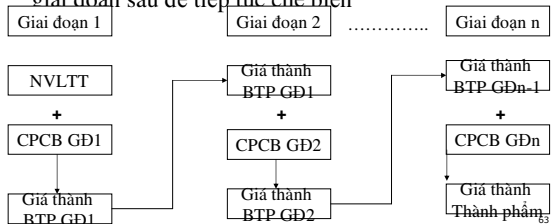
Doanh nghiệp áp dụng PP kê khai thường xuyên

Chi phí sx dd cuối kỳ theo phương pháp ước lượng sp hoàn thành tương đương, chi phí nguyên vật liệu trực tiếp bỏ ngay từ đầu quy trình.

62

Tính Z phân bước theo phương án có tính Z bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

Áp dụng trong quy trình công nghệ sản xuất bao gồm nhiều giai đoạn chế biến, sản phẩm được chế biến liên tục từ giai đoạn đầu đến giai đoạn cuối. Sau mỗi giai đoạn đều thu được bán thành phẩm và chuyển giai đoạn sau để tiếp tục chế biến



Tính Z phân bước theo phương án có tính Z bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

- a- Trường hợp CPSXDD được đánh giá theo NVLTT
 b- Trường hợp CPSXDD được đánh giá theo PP ước lượng hoàn thành tương đương

64

Tính Z phân bước theo phương án có tính Z bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

- a- Trường hợp CPSXDD được đánh giá theo NVLTT
 + Đánh giá sản phẩm dở dang giai đoạn 1

CPSX	CPNVLDDĐK GĐ1 + CPNVLPS GĐ1	x
DDCK	SLTP HT GĐ1+ SLSPDD GĐ1	SLSPDD
GĐ1 =		CK GĐ1

- + Xác định giá thành bán thành phẩm GĐ1:
 = CPSX DDĐKGĐ1 + CPSX PSGĐ1 – CPSX DDCK GĐ1 – Các khoản giảm giá nếu có

65

Tính Z phân bước theo phương án có tính Z bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

- a- Trường hợp CPSXDD được đánh giá theo NVLTT
 + Đánh giá sản phẩm dở dang giai đoạn 2

CPSX	CPNVLDDĐK GĐ2 + Z BTP GĐ1	x
DDCK	SLTP HT GĐ1+ SLSPDDGĐ2	SLSPDD
GĐ2 =		CK GĐ2

- + Xác định giá thành bán thành phẩm gđ2:
 = CPSX DDĐK GĐ2 + CPSX PS GĐ 2 + Z BTP GĐ1 – CPSX DDCK GĐ2 – các khoản giảm giá (nếu có)

66

Tính Z phân bước theo phương án có tính Z bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

a- Trường hợp CPSXDD được đánh giá theo NVLTT

+ Đánh giá sản phẩm dở dang giai đoạn n

$$\text{CPSX DDCK GĐn} = \frac{\text{CPNVLDDĐK GĐn} + \text{Z BTP GĐn-1}}{\text{SLTP HT GĐn} + \text{SLSPDD GĐn}} \times \frac{\text{SLSPDD CK GĐn}}$$

+ Xác định giá thành bán thành phẩm GĐn:

$$= \text{CPSX DDĐK GĐn} + \text{CPSX PS GĐn} + \text{Z BTP GĐn-1} - \text{CPSX DDCK GĐn} - \text{các khoản giảm giá (nếu có)}$$

67

Tính Z phân bước theo phương án có tính Z bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

b- Trường hợp CPSXDD được đánh giá theo PP ước lượng hoàn thành tương đương

+ Đánh giá sản phẩm dở dang giai đoạn 1

$$\text{CPSX DDCK GĐ1} = \frac{\text{CPNVLDDĐK GĐ1} + \text{CPNVLPS GĐ1}}{\text{SLTP HT GĐ1} + \text{SLSPDD GĐ1}} \times \frac{\text{SLSPDD CK GĐ1}}$$

$$\text{CPNCTTD DCKGĐ1} = \frac{\text{CPNCTTDDĐK GĐ1} + \text{CPNCTTPS GĐ1}}{\text{SLTP HT GĐ1} + \text{SLSPDD GĐ1} * \% \text{HT}} \times \frac{\text{SLSPDDCK GĐ1} * \% \text{HT}}$$

68

Tính Z phân bước theo phương án có tính Z bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

- Trường hợp CPSXDD được đánh giá theo PP ước lượng hoàn thành tương đương

+ Đánh giá sản phẩm dở dang giai đoạn 1

$$\text{CPSXCDD CKGĐ1} = \frac{\text{CPSXCDDĐK GĐ1} + \text{CPSXCPS GĐ1}}{\text{SLTP HT GĐ1} + \text{SLSPDD GĐ1} * \% \text{HT}} \times \frac{\text{SLSPDDCK GĐ1} * \% \text{HT}}$$

+ Xác định giá thành bán thành phẩm GĐ1:

$$= \text{CPSX DDĐK GĐ1} + \text{CPSX PSGĐ1} - \text{CPSX DDCK GĐ1} - \text{Các khoản giảm giá (nếu có)}$$

69

Tính Z phân bước theo phương án có tính Z bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

b- Trường hợp CPSXDD được đánh giá theo PP ước lượng hoàn thành tương đương
+ Đánh giá sản phẩm dở dang giai đoạn 2

$$\text{CPNVL} \frac{\text{CPNVLDDĐK GĐ2} + \text{CPNVLPS GĐ2}}{\text{DDCK}} \times \text{SLSPDDCK} \\ \text{GĐ1} = \frac{\text{SLTP HT GĐ2} + \text{SLSPDD GĐ2}}{\text{K GĐ1}}$$

$$\text{CPNCTTD} \frac{\text{CPNCTTDDĐK GĐ1} + \text{CPNCTTPS GĐ1}}{\text{DCKGĐ1}} \times \text{SLSPDDCK} \\ = \frac{\text{SLTP HT GĐ2} + \text{SLSPDD GĐ2} \cdot \% \text{HT}}{\text{GĐ2} \cdot \% \text{HT}}$$

70

Tính Z phân bước theo phương án có tính Z bán thành phẩm (kết chuyển chi phí tuần tự)

b- Trường hợp CPSXDD được đánh giá theo PP ước lượng hoàn thành tương đương
+ Đánh giá sản phẩm dở dang giai đoạn 2

$$\text{CPSXCDD} \frac{\text{CPSXCDDĐK GĐ1} + \text{CPSXCPS GĐ1}}{\text{CKGĐ1}} \times \text{SLSPDDCK} \\ = \frac{\text{SLTP HT GĐ2} + \text{SLSPDD GĐ2} \cdot \% \text{HT}}{\text{GĐ2} \cdot \% \text{HT}}$$

+ GĐn: Đánh giá SPDD và tính giá thành, sử dụng các phương pháp đã đề cập trước đây

71

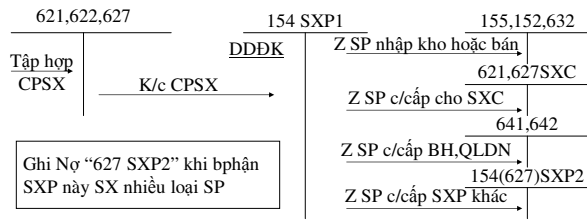
TẬP HỢP CPSX & TÍNH Z CỦA SP PHỤ TRỢ

Hoạt động phục vụ :

- Hoạt động sơ chế, SX các loại NVL cho hoạt động chức năng
- Hoạt động SX CCDC cung ứng cho hoạt động chức năng
- Hoạt động sửa chữa, vận tải trong nội bộ DN
- Hoạt động SX điện, nước, hơi gió cung ứng cho hoạt động SX, bán hàng, QLDN
- Hoạt động phục vụ ăn uống,....

72

TẬP HỢP CPSX & TÍNH Z CỦA SP PHỤ TRỢ



73

TẬP HỢP CPSX & TÍNH Z CỦA SP PHỤ TRỢ

Kế toán chi phí sản xuất của bộ phận phục vụ

Các phương pháp phân bổ CPSX của bộ phận phục vụ cho các hoạt động chức năng

- > Phương pháp phân bổ trực tiếp
- > PP phân bổ bậc thang.
- > PP *phân bổ lẫn nhau* theo giá thành kế hoạch.
- > PP *phân bổ lẫn nhau* theo giá thành ban đầu
- > PP *phân bổ lẫn nhau* theo phương trình đại số

74

TẬP HỢP CPSX & TÍNH Z CỦA SP PHỤ TRỢ

❖ Phương pháp phân bổ trực tiếp:

CPSX đơn vị SP của từng bộ phận SXP cần phân bổ	=	$\frac{\text{CPSXDDĐK của bộ phận SXP} + \text{CPPSTK của bộ phận SXP} - \text{CPSXDDĐCK của bộ phận SXP}}{\text{Số lượng SP của bộ phận sx phụ cung cấp cho các bộ phận chức năng}}$
--	---	---

CPSX của bộ phận SXP phân bổ cho bộ phận chức năng	=	$\text{SLSP của bộ phận SXP cung ứng cho bộ phận chức năng} \times \text{CPSX đơn vị của bộ phận SXP}$
--	---	--

75

TẬP HỢP CPSX & TÍNH Z CỦA SP PHỤ TRỢ

❖ Phương pháp phân bổ bậc thang:

- CP của bộ phận sx phụ có phân bổ cho bộ phận sản xuất phụ khác nhưng không phân bổ ngược lại
- Chọn bộ phận sx phụ có chi phí lớn phân bổ trước
- Bộ phận phục vụ nào chọn phân bổ đầu tiên thì chỉ tiêu chi phí và số lượng SP cung ứng cho bộ phận phục vụ trước sẽ bằng 0

76

TẬP HỢP CPSX & TÍNH Z CỦA SP PHỤ TRỢ

❖ Phương pháp phân bổ bậc thang:

CPSX đơn vị của bộ phận SXP cần phân bổ	Tổng CPSX của bộ phận SXP		+	CPSXSP của bộ phận phục vụ trước chuyển sang	
	SLSPSX trong kỳ của bộ phận SXP	SLSP nội bộ	-	tiêu dùng	-
				<i>SLSP cung ứng cho bộ phận SXP trước</i>	

CPSX của bộ phận phục vụ	SLSP của bộ phận phục vụ	X	CPSX đơn vị của bộ phận SXP
phân bổ cho các bộ phận	cung ứng cho các bộ phận		

77

TẬP HỢP CPSX & TÍNH Z CỦA SP PHỤ TRỢ

❖ PP phân bổ lẫn nhau theo giá thành ban đầu

CPSX đơn vị ban đầu của bộ phận SXP cần phân bổ	CPSXDDĐK của bộ phận SXP		+	CPPSTK của bộ phận SXP	-	CPSXDDCK của bộ phận SXP
	SLSPSX trong kỳ của bộ phận SXP	SLSP tiêu dùng nội bộ	-			

CPSX đơn vị của bộ phận SXP phân bổ cho các bộ phận chức năng	Tổng CPSX của bộ phận SXP	CP của SP nhận từ các bộ phận SXP khác	CP của SP cung ứng cho các bộ phận SXP khác
	<i>Số lượng SP cung ứng cho các bộ phận chức năng</i>		

78

TẬP HỢP CPSX & TÍNH Z CỦA SP PHỤ TRỢ

❖PP phân bổ lẫn nhau theo giá thành ban đầu

$$\begin{matrix} \text{CPSX của bộ} & \text{SLSP của bộ} \\ \text{phận phục vụ} & \text{phận phục vụ} \\ \text{phân bổ cho bộ} & \text{cung ứng cho bộ} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{CPSX đơn vị của} \\ \text{bộ phận SXP} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{phận chức năng} \\ \text{phận chức năng} \end{matrix}$$

79

TẬP HỢP CPSX & TÍNH Z CỦA SP PHỤ TRỢ

❖PP phân bổ theo giá thành định mức

$$\begin{matrix} \text{CP SP của bộ} \\ \text{phận SXP cung} \\ \text{ứng lẫn nhau} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{SLSP của bộ} \\ \text{phận SXP cung} \\ \text{ứng lẫn nhau} \end{matrix} \times \begin{matrix} \text{Giá thành} \\ \text{kế hoạch} \\ \text{đơn vị SP} \end{matrix}$$

$$\begin{matrix} \text{CPSX đơn} \\ \text{vị của bộ} \\ \text{phận SXP} \\ \text{phân bổ} \\ \text{cho các bộ} \\ \text{phận chức} \\ \text{năng} \end{matrix} = \begin{matrix} \text{Tổng} \\ \text{CPSX} \\ \text{của bộ} \\ \text{phận} \\ \text{SXP} \end{matrix} + \begin{matrix} \text{CP của SP} \\ \text{nhận từ các} \\ \text{bộ phận SXP} \\ \text{khác} \end{matrix} - \begin{matrix} \text{CP của SP cung} \\ \text{ứng cho các bộ} \\ \text{phận SXP khác} \end{matrix}$$

Số lượng SP cung ứng cho các bộ phận chức năng

80

TẬP HỢP CPSX & TÍNH Z CỦA SP PHỤ TRỢ

❖PP đại số : là phương pháp dùng những phương trình đại số để xác định giá thành thực tế 1 đơn vị lao vụ sản xuất phụ để từ đó tính toán được giá trị sản phẩm lao vụ cung cấp lẫn nhau trong các phân xưởng sản xuất phụ và giá trị sản phẩm lao vụ cung cấp cho các đối tượng khác.

81

Chương 4:
KẾ TOÁN CPSX VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH
SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ
THỰC TẾ KẾT HỢP VỚI
ƯỚC TÍNH (Estimated cost)

GV: Nguyễn Ngọc Khánh Dung

1

KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ THỰC TẾ KẾT HỢP VỚI ƯỚC TÍNH

Mục tiêu:

Sau khi nghiên cứu chương này sinh viên có thể:

- Nhận thức được mục tiêu, ý nghĩa và đặc điểm của mô hình kế toán CPSX và tính giá thành SP theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính.
- Xác định được đối tượng tập hợp chi phí, đối tượng tính giá thành.
- Biết cách tính toán và xử lý chênh lệch trên tài khoản CPSX

2

KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM THEO CHI PHÍ THỰC TẾ KẾT HỢP VỚI ƯỚC TÍNH

Nội dung

- Những vấn đề chung về kế toán CPSX và tính giá thành SP theo chi phí thực tế kết hợp với chi phí ước tính
- Kế toán CPSX và tính giá thành theo đơn đặt hàng
- Kế toán CPSX và tính giá thành theo quy trình

3

4.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

4.1.1 Mục tiêu:

- Cung cấp thông tin về chi phí một cách *kịp thời* phục vụ cho việc ra quyết định.
- Giúp cho người quản lý thực hiện chức năng hoạch định.
- Cung cấp thông tin giúp người quản lý kiểm soát chi phí hiệu quả.

4

4.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

4.1.2 Đặc điểm:

- Quy trình kế toán CPSX và tính giá thành được thực hiện theo trình tự:
 - CPSX thực tế phát sinh được tập hợp cho từng đối tượng
 - Dựa vào kết quả đầu ra để tính giá thành đơn vị SP
 - Dựa vào giá thành đơn vị SP để tính giá trị SPDD

5

4.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

4.1.2 Đặc điểm:

- Khi tập hợp chi phí sản xuất cho tất cả các khoản mục theo chi phí thực tế, nhưng khi tổng hợp chi phí sản xuất và tính giá thành sản phẩm thì: 621, 622 theo chi phí thực tế, 627 theo chi phí ước tính phân bổ → Phát sinh chênh lệch → Xử lý chênh lệch phát sinh

6

4.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

4.1.2 Đặc điểm:

- > Phương pháp kế toán CPSX và tính giá thành theo ĐĐH
 - + Áp dụng ở những DN SX các SP không đồng nhất, có tính cá biệt, được đặt mua trước khi SX
 - + Khi ĐĐH hoàn thành thì tổng CPSX đã tập hợp cho ĐĐH trở thành tổng giá thành SP

7

4.1 NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG

4.1.2 Đặc điểm:

- > Phương pháp kế toán CPSX và tính giá thành theo quy trình
 - + Áp dụng ở những DN SX các SP được thiết kế theo tiêu chuẩn kỹ thuật riêng, đồng nhất, SP trải qua một hoặc nhiều giai đoạn SX
 - + Xác định SLHTTĐ để tính giá thành đơn vị SP, sau đó tính tổng giá thành và CPSXDDCK

8

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

- 4.2.1 Kế toán tập hợp CPSX
- 4.2.2 Kế toán tổng hợp CPSX
- 4.2.3 Xử lý số chênh lệch trên tài khoản 627

9

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

4.2.1. Kế toán tập hợp CPSX

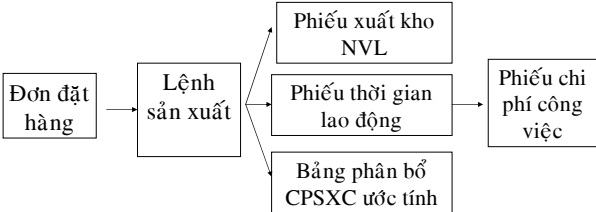
Kế toán tập hợp CPSX của đơn đặt hàng theo **chi phí thực tế** phát sinh cho cả ba khoản mục:

- ✓ Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp
- ✓ Chi phí nhân công trực tiếp
- ✓ Chi phí sản xuất chung

10

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

Mô hình vận động chứng từ của các khoản mục CPSX



```

graph LR
    A[Đơn đặt hàng] --> B[Lệnh sản xuất]
    B --> C[Phiếu xuất kho NVL]
    B --> D[Phiếu thời gian lao động]
    B --> E[Bảng phân bổ CPSXC ước tính]
    C --> F[Phiếu chi phí công việc]
    D --> F
    E --> F
  
```

11

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

4.2.2. Kế toán tổng hợp CPSX và tính giá

- ✓ Đối với CPNVLTT, NCTT được kết chuyển cho từng đối tượng tính Z theo **chi phí thực tế**.
- ✓ Đối với CPSXC được phân bổ theo **CPSXC ước tính**.

12

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

4.2.2. Kế toán tổng hợp CPSX và tính giá

Đơn giá phân bổ CPSXC ước tính	=	$\frac{\text{Tổng CPSXC ước tính}}{\text{Tổng mức hoạt động ước tính}}$
-----------------------------------	---	---

Mức phân bổ CPSXC ước tính cho từng ĐDH	=	Đơn giá phân bổ CPSXC ước tính	X	Mức hoạt động <i>thực tế của từng ĐDH</i>
---	---	-----------------------------------	---	--

13

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

4.2.3 Xử lý chênh lệch trên TK CPSXC

4.2.3.1. Chênh lệch trên TK CPSXC

TK 627

CPSXC <i>thực tế</i> phát sinh	CPSXC <i>ước tính</i> được phân bổ	}	k/c TK 154
	Mức phân bổ thiếu		

14

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

4.2.3.1. Chênh lệch trên TK CPSXC

TK 627

CPSXC <i>thực tế</i> phát sinh	CPSXC <i>ước tính</i> được phân bổ	}	k/c TK 154
	Mức phân bổ thừa		

15

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

4.2.3.2. Xử lý chênh lệch trên TK CPSXC

Trường hợp 1: mức chênh lệch nhỏ (<5% CPSXC thực tế phát sinh)

Nợ TK 632	}	Mức phân bổ thiếu
Có TK 627		
Nợ TK 627	}	Mức phân bổ thừa
Có TK 632		

16

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

4.2.3. Xử lý chênh lệch trên TK CPSXC

Trường hợp 2: mức chênh lệch lớn (trọng yếu)

-> phân bổ mức chênh lệch vào các đối tượng chịu phí có liên quan: CPSXDDCK TK 154, TK 155, TK157, TK632. Có 2 cách:

17

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

4.2.3.2. Xử lý chênh lệch trên TK CPSXC

Trường hợp 2: mức chênh lệch lớn (trọng yếu)

Nợ TK 632, 154, 155, 157	}	Mức phân bổ thiếu
Có TK 627		
Nợ TK 627	}	Mức phân bổ thừa
Có TK 632, 154, 155, 157		

18

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

4.2.3. Xử lý chênh lệch trên TK CPSXC

Trường hợp 2: mức chênh lệch lớn (trọng yếu)

Cách 1:

- *Tính tỷ lệ phân bổ = CPSX của từng TK/tổng CPSX của các TK 154, 155, 157,632*
- *Mức phân bổ thừa (thiếu) của CPSXC cho từng TK = tỷ lệ phân bổ x mức phân bổ thừa (thiếu)*

19

4.2. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO ĐƠN ĐẶT HÀNG

4.2.3. Xử lý chênh lệch trên TK CPSXC

Trường hợp 2: mức chênh lệch lớn (trọng yếu)

Cách 2:

Tính tỷ lệ phân bổ = CPSX ước tính trong từng TK/tổng CPSXC ước tính

Mức phân bổ thừa (thiếu) của CPSXC cho từng TK = tỷ lệ phân bổ x mức phân bổ thừa (thiếu)

20

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

4.3.1 Kế toán tập hợp CPSX

Các chi phí được tập hợp theo từng giai đoạn SX theo chi phí thực tế. Chi phí được tập hợp gồm:

- ✓ **Chi phí nguyên vật liệu trực tiếp**
- ✓ **Chi phí nhân công trực tiếp**
- ✓ **Chi phí sản xuất chung**

21

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

4.3.2. Kế toán tổng hợp CPSX và tính giá

- ✓ Đối với CPNVLT, NCTT được kết chuyển cho từng đối tượng tính Z theo chi phí thực tế.
- ✓ Đối với CPSXC được phân bổ theo CPSXC ước tính.

22

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

4.3.3. Xác định sản lượng hoàn thành tương đương

- Phương pháp trung bình
- Phương pháp FIFO

23

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

- Phương pháp trung bình

$$SL_{HTTĐ} = \text{Số lượng thành phẩm} + SL_{HTTĐ \text{ của } SPDDCK}$$

$$SL_{HTTĐ \text{ của } SPDDCK} = SL_{SPDDCK} \times \%HT$$

24

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

- Phương pháp FIFO

$$SLHTTĐ = SLHTTĐ \text{ để hoàn tất SPDDĐK} + \text{SL bắt đầu sx và HT trong kỳ} + SLHTTĐ \text{ của SPDDCK}$$

$$SLHTTĐ \text{ để hoàn tất SPDDĐK} = SLSPDDĐK \times \% \text{ chưa HT}$$

25

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

4.3.4. Xác định giá thành đơn vị SP, CPSXDDCK

- Theo PP trung bình

$$\text{Giá thành đơn vị SP} = \frac{\text{CPSXDDĐK} + \text{CPSXDDCK}}{SLHTTĐ \text{ theo PP trung bình}}$$

$$\text{Tổng giá thành SP} = \text{Sản lượng hoàn thành} \times \text{Giá thành đơn vị SP}$$

26

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

4.3.4. Xác định giá thành đơn vị SP, CPSXDDCK

Tùy thuộc vào cách xác định sản lượng hoàn thành tương đương để xác định giá thành đơn vị.

- Theo PP trung bình

$$\text{CPSX DDCK} = \frac{\text{SLHT TĐ của SPDDCK}}{\text{Giá thành đơn vị SP}}$$

27

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

4.3.4. Xác định giá thành đơn vị SP, CPSXDDCK

- Theo PP FIFO

$$\text{Giá thành đơn vị SP} = \frac{\text{CPSX phát sinh trong kỳ}}{\text{SLHTTĐ theo PP FIFO}}$$

$$\text{Giá thành SPDDĐK và đã HT trong kỳ} = \text{CPSX DDĐK} + \frac{(\text{SLHTTĐ để hoàn tất x Giá thành đơn vị SP})}{\text{SPDDĐK}}$$

28

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

4.3.4. Xác định giá thành đơn vị SP, CPSXDDCK

- Theo PP FIFO

$$\text{Giá thành đơn vị SP} = \frac{\text{Tổng Z của SP bắt đầu SX và hoàn thành trong kỳ}}{\text{SL bắt đầu SX và hoàn thành trong kỳ}} \times \text{Giá thành đơn vị SP}$$

$$\text{CPSX DDCK} = \frac{\text{SLHTTĐ của SPDDCK}}{\text{Giá thành đơn vị SP}}$$

29

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Báo cáo sản xuất theo phương pháp trung bình.

30

Chỉ tiêu	Tổng cộng	KL tương đương		
		NVL TT	NC TT	SXC
A. Phân kê khối lượng và khối lượng tương đương				
1. Khối lượng chuyển đến				
+ Khối lượng dở dang ĐK				
+ KL đưa vào sản xuất trong kỳ				
Cộng khối lượng chuyển đến				
2. Khối lượng chuyển đi				
+ KL hoàn thành chuyển đi				
+ Khối lượng dở dang cuối kỳ				
Cộng khối lượng chuyển đi				

31

Chỉ tiêu	Tổng cộng	KL tương đương		
		NVL TT	NC TT	SXC
B. Tổng hợp chi phí và xác định giá thành đơn vị.				
+ Chi phí SXKDDD ĐK				
+ Chi phí SXKD phát sinh				
Cộng chi phí (a)				
KL hoàn thành tương đương (b)				
Giá thành đơn vị (a/b)				
C. Cân đối chi phí				
1. Chi phí chuyển đến				
+ Chi phí SX dở dang đầu kỳ				
+ Chi phí SX phát sinh trong kỳ				
Cộng chi phí chuyển đến				

32

Chỉ tiêu	Tổng cộng	KL tương đương		
		NVL TT	NC TT	SXC
2. Chi phí chuyển đi				
+ Chi phí hoàn thành chuyển đi				
(KL chuyển đi × Giá thành đơn vị)				
+ Chi phí SX dở dang cuối kỳ				
NVL TT (KL tương đương × Zđv)				
NC TT (KL tương đương × Zđv)				
SXC (KL tương đương × Zđv)				
Cộng chi phí chuyển đi				

33

4.3. KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH SP THEO QUY TRÌNH SẢN XUẤT

Báo cáo sản xuất theo phương pháp FIFO.

34

Chỉ tiêu	Tổng cộng	KL tương đương		
		NVL TT	NC TT	SXC
A. Phần kê khối lượng và khối lượng tương đương				
1. Khối lượng chuyển đến				
+ Khối lượng dở dang ĐK				
+ KL đưa vào sản xuất trong kỳ				
Cộng khối lượng chuyển đến				
2. Khối lượng chuyển đi				
+ KL hoàn tất SPDD đầu kỳ				
+ KL đưa vào sx và hoàn thành				
+ KL tương đương SPDD CK				
Cộng khối lượng chuyển đi				35

Chỉ tiêu	Tổng cộng	KL tương đương		
		NVL TT	NC TT	SXC
B. Tổng hợp chi phí và xác định giá thành đơn vị.				
+ Chi phí SXKD phát sinh (a)				
KL hoàn thành tương đương (b)				
Giá thành đơn vị (a/b)				
C. Cân đối chi phí				
1. Chi phí chuyển đến				
+ Chi phí SX dở dang đầu kỳ				
+ Chi phí SX phát sinh trong kỳ				
Cộng chi phí chuyển đến				36

Chỉ tiêu	Tổng cộng	KL tương đương		
		NVL TT	NC TT	SXC
2. Chi phí chuyển đi				
+ Chi phí SX dở dang đầu kỳ				
+ Chi phí hoàn tất SPDD ĐK				
NVL TT (KL tương đương × Zdv)				
NC TT (KL tương đương × Zdv)				
SXC (KL tương đương × Zdv)				
Cộng (x)				

37

Chỉ tiêu	Tổng cộng	KL tương đương		
		NVL TT	NC TT	SXC
+ Chi phí đưa vào SX và hoàn thành trong kỳ (y)				
+ Chi phí SX dở dang cuối kỳ				
NVL TT (KL tương đương × Zdv)				
NC TT (KL tương đương × Zdv)				
SXC (KL tương đương × Zdv)				
Cộng (z)				
Tổng cộng chi phí chuyển đi (x + y + z)				

38

Chương 5

**KẾ TOÁN CHI PHÍ SẢN XUẤT VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH SẢN PHẨM
THEO CHI PHÍ ĐỊNH MỨC**

GV: Nguyễn Ngọc Khánh Dung

1

Mục tiêu:

Sau khi nghiên cứu chương này sinh viên có thể:

- Hiểu được ý nghĩa của chi phí định mức
- Xác định được giá thành định mức đơn vị sản phẩm
- Tính toán chênh lệch CPNVLTT, CPNCTT, CPSXC
- Thực hiện các bút toán để ghi nhận và xử lý các chênh lệch trong hệ thống kế toán CPSX và tính giá thành SP theo chi phí định mức

2

**5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ
TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐỊNH MỨC**

**5.1.1 Mô hình kế toán CPSX và tính giá thành
theo định mức hướng đến các mục tiêu:**

- Cung cấp thông tin cho việc lập dự toán
- Giúp nhà quản lý kiểm soát chi phí kịp thời
- Cung cấp thông tin giúp cho việc đánh giá thành quả của các nhà quản lý và người lao động một cách dễ dàng
- Làm đơn giản các thủ tục kế toán HTK và giá thành SP

3

5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐỊNH MỨC

5.1.2. Khái niệm, đặc điểm

Khái niệm:

- **Chi phí định mức:** là biểu hiện bằng tiền những hao phí về lao động sống và lao động vật hóa được định trước để sản xuất 1 SP hay hoàn thành một khối lượng dịch vụ nhất định.

4

5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐỊNH MỨC

Chi phí định mức

Định mức lượng

x

Định mức giá

Lượng hao phí của một khoản mục chi phí dùng vào quá trình sản xuất sản phẩm

Đơn giá bình quân của một khoản mục chi phí dùng vào quá trình sản xuất sản phẩm

5

5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐỊNH MỨC

Đặc điểm:

- Tất cả bút toán ghi Nợ, ghi Có ở các TK621, 622, 627, 154, 155, 632 đều được ghi nhận theo CP định mức.
- Tất cả số dư TK HTK đều được tính trên CP định mức
- Chi phí thực tế được theo dõi riêng để so sánh với CP định mức
- Kế toán chi phí tính toán các chênh lệch và cuối kỳ kế toán -> xử lý

6

5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐỊNH MỨC

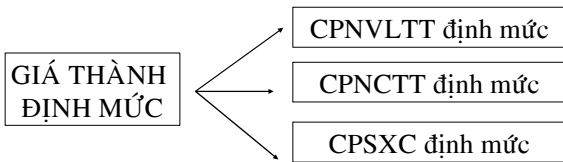
5.1.3. Phương pháp xác định định mức chi phí

- Phương pháp thống kê kinh nghiệm
- Phương pháp phân tích kinh tế kỹ thuật

7

5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐỊNH MỨC

5.1.3. Xây dựng giá thành định mức



8

5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐỊNH MỨC

5.1.3. Xây dựng giá thành định mức

a- Xây dựng định mức cho CPNVLTT

+ Lượng NVL định mức?

+ Giá NVL định mức ?

$$\text{CPNVLTT định mức cho 1 SP} = \text{Lượng NVL định mức cho 1 SP} \times \text{Đơn giá NVL định mức}$$

9

5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐỊNH MỨC

5.1.3. Xây dựng giá thành định mức

b- Xây dựng định mức cho CPNCTT

+ Lượng lao động định mức ?

+ Đơn giá lao động định mức ?

$$\text{CPNCTT định mức cho 1 SP} = \text{Lượng lao động định mức cho 1 SP} \times \text{Đơn giá lao động định mức}$$

10

5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐỊNH MỨC

5.1.3. Xây dựng giá thành định mức

c- Xây dựng định mức cho CPSXC

+ Biến phí SXC định mức ?

+ Định phí SXC định mức ?

$$\text{CPSXC định mức cho 1 SP} = \text{BP SXC định mức cho 1 SP} + \text{ĐP SXC định mức cho 1 SP}$$

11

5.1. NHỮNG VẤN ĐỀ CHUNG VỀ KẾ TOÁN CPSX VÀ TÍNH GIÁ THÀNH THEO ĐỊNH MỨC

5.1.3. Xây dựng giá thành định mức

$$\text{Giá thành định mức cho 1 SP} = \text{CPNVLTT cho 1 SP} + \text{CPNCTT cho 1 SP} + \text{CPSXC định mức cho 1 SP}$$

12

Công ty B lập kế hoạch sản xuất cho 1/2011 như sau:

- ✓ Để sản xuất 1 cái bàn cần 0,35m³ gỗ, giá gỗ theo định mức là 10.000.000đ/m³
 - ✓ Định mức lao động là 3h cho 1 cái bàn. Đơn giá lao động định mức là 20.000đ/1giờ.
 - ✓ Chi phí sản xuất chung định mức gồm:
 - Vật liệu gián tiếp 3.000đ/giờ
 - Lao động gián tiếp 10.000đ/giờ
 - Sửa chữa: 1.000đ/giờ
 - Tiền thuê nhà xưởng 22.000.000đ/tháng
 - Tiền lương quản lý và các khoản trích theo lương: 38.000.000đ/tháng
 - Bảo hiểm phân xưởng sản xuất 10.000.000đ/tháng
- Số lượng sản phẩm sản xuất theo dự toán 70 cánh cửa cho tháng 1/2011 ¹³

Trong tháng 1/2011 công ty thực tế phát sinh:

- Mua 26m³ với giá 12.000.000đ/m³ xuất sản xuất 60 cánh cửa.
- 240 giờ lao động thực tế đã được sử dụng để sản xuất 60 cánh cửa với đơn giá lao động là 25.000đ/giờ
- Chi phí sản xuất chung gồm:
 - Vật liệu gián tiếp 4.000đ/giờ
 - Lao động gián tiếp 10.000đ/giờ
 - Sửa chữa: 1.000đ/giờ
 - Tiền thuê nhà xưởng 22.000.000đ/tháng
 - Tiền lương quản lý và các khoản trích theo lương: 38.000.000đ/tháng
 - Bảo hiểm phân xưởng sản xuất 10.000.000đ/tháng

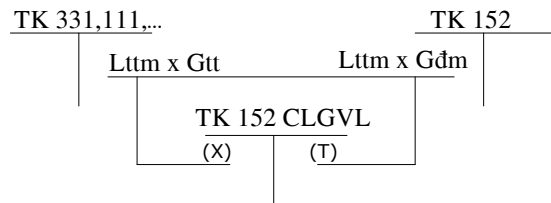
Yêu cầu:

- Xác định giá thành định mức sản phẩm.
- Xác định chênh lệch CPNVLTT, CPNCTT, CPSXC ¹⁴

5.2. NỘI DUNG QUÁ TRÌNH KẾ TOÁN

5.2.1. Kế toán CPNVLTT

Khi mua NVLTT

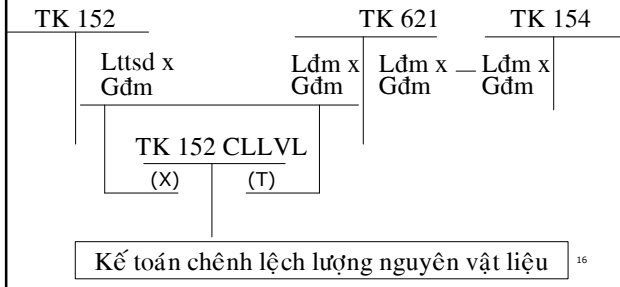


Kế toán chênh lệch giá nguyên vật liệu ¹⁵

5.2. NỘI DUNG QUÁ TRÌNH KẾ TOÁN

5.2.1. Kế toán CPNVLTT

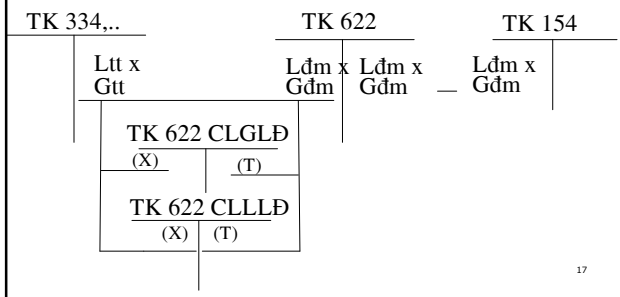
Khi xuất NVL sản xuất trực tiếp sản phẩm



5.2. NỘI DUNG QUÁ TRÌNH KẾ TOÁN

5.2.2. Kế toán CPNCTT

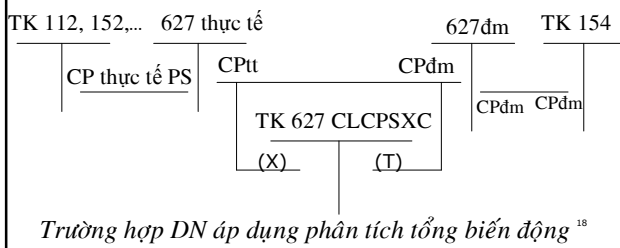
Kế toán chênh lệch chi phí nhân công trực tiếp



5.2. NỘI DUNG QUÁ TRÌNH KẾ TOÁN

5.2.3. Kế toán CPSXC

Kế toán chênh lệch chi phí SX



5.2. NỘI DUNG QUÁ TRÌNH KẾ TOÁN

5.2.4. Kế toán giá thành SP hoàn thành nhập kho và giá vốn hàng bán

TK 154	TK 155	TK 632
Z SP nhập kho theo CP đm	GVHB theo CP đm	

19

5.3. KẾ TOÁN XỬ LÝ CÁC CHÊNH LỆCH THỰC TẾ SO VỚI ĐỊNH MỨC

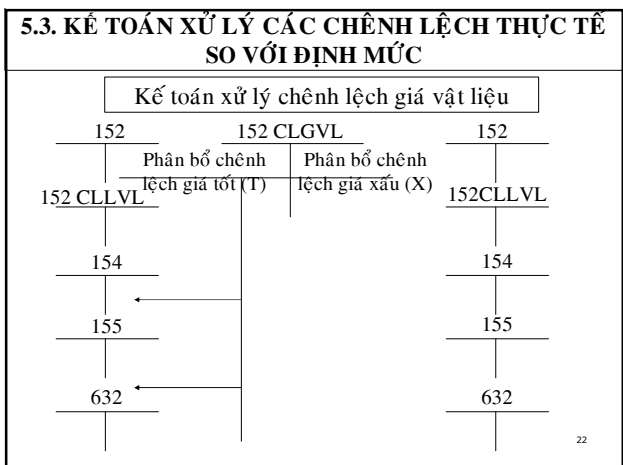
- Tài khoản chênh lệch nhỏ (không trọng yếu): số tiền chênh lệch kết chuyển hết vào TK 632
- Tài khoản chênh lệch lớn (trọng yếu): số tiền chênh lệch kết chuyển vào TK 152, 154, 155, 632

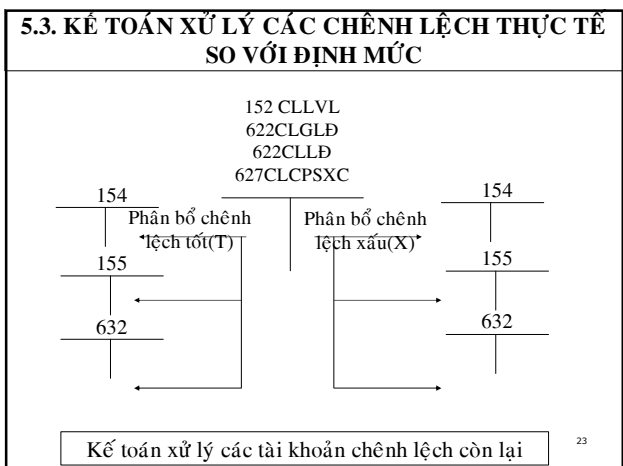
20

5.3. KẾ TOÁN XỬ LÝ CÁC CHÊNH LỆCH THỰC TẾ SO VỚI ĐỊNH MỨC

TK chênh lệch	TK 632	TK chênh lệch
K/c chênh lệch (X)	K/c chênh lệch (T)	

21





Bảng tính giá thành sản phẩm
Tên sản phẩm
Sản lượng

Khoản mục	Giá thành định mức	Thay đổi định mức	Chênh lệch định mức	Giá thanh thực tế	GT đơn vị	
					Định mức	Thực tế
CP NVL TT						
CP NC TT						
CP SXC						
Tổng cộng						

24

CHƯƠNG 6 PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ

CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ

Khái niệm:

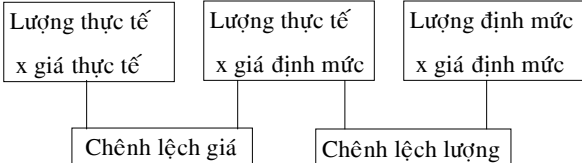
Phân tích biến động chi phí: là so sánh chi phí thực tế và chi phí định mức để xác định mức biến động chi phí nhằm tìm ra nguyên nhân ảnh hưởng và đề xuất giải pháp cho kỳ sau.

Các bước thực hiện:

- + Xác định chỉ tiêu phân tích
- + Xác định đối tượng phân tích
- + Phân tích ảnh hưởng của từng nhân tố
- + Xác định nguyên nhân và đề xuất giải pháp

CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ

Mô hình phân tích



CHƯƠNG 6: PHÂN TÍCH BIẾN ĐỘNG CHI PHÍ

- Phân tích biến động chi phí NVLTT
- Phân tích biến động chi phí NCTT
- Phân tích biến động chi phí SXC
